

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

(1 tiết)

I - MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tiếp tục học về nhân hoá : nắm được ba cách nhân hoá.
2. Ôn luyện cách đặt và trả lời câu hỏi *Ở đâu ?* (Tìm được bộ phận câu trả lời cho câu hỏi *Ở đâu ?*, trả lời đúng các câu hỏi.)

II - ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

– Bảng phụ viết một đoạn văn (có 2, 3 câu thiếu dấu phẩy sau các bộ phận trạng ngữ chỉ thời gian) giúp GV kiểm tra bài cũ.

– Ba tờ phiếu khổ to kẻ bảng trả lời các câu hỏi ở BT1 (xem mẫu ở phần lời giải BT1). Nếu HS không có VBT và nhà trường có điều kiện, nên phô tô các tờ phiếu cỡ nhỏ đủ phát cho từng HS.

– Bảng phụ viết 3 câu văn ở BT3.

III - CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

A - KIỂM TRA BÀI CŨ

GV kiểm tra :

– Một HS làm lại BT1 (tiết LTVC tuần 20).

– Một HS làm BT đặt dấu phẩy vào các câu in nghiêng (đã được viết trên bảng phụ). VD : *Thuở ấy giặc Nguyên rất hùng mạnh. Chúng đã chiếm được rất nhiều nước. Nhưng trong cuộc chiến tranh xâm lược nước ta chúng đã hoàn toàn thất bại trước tinh thần chiến đấu anh dũng của cha ông ta.*

(Lời giải : *Thuở ấy, giặc Nguyên rất hùng mạnh. Chúng đã chiếm được rất nhiều nước. Nhưng trong cuộc chiến tranh xâm lược nước ta, chúng đã hoàn toàn thất bại trước tinh thần chiến đấu anh dũng của cha ông ta.*)

B - DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài

Ở tuần 19, các em đã học về phép nhân hoá. Trong tiết học hôm nay, các em sẽ tiếp tục học về phép nhân hoá (những cách nhân hoá như thế nào để làm cho các sự vật, con vật, đồ vật, cây cối có đặc điểm, hành động... như của người). Giờ học còn giúp các em tiếp tục ôn luyện về cách đặt và trả lời câu hỏi *Ở đâu ?*

2. Hướng dẫn HS làm bài tập

a) Bài tập 1

– GV đọc diễn cảm bài thơ *Ông trời bật lửa*.

– Hai, ba HS đọc lại. Cả lớp theo dõi trong SGK. (Không mất thời gian luyện đọc như ở tiết Tập đọc.)

b) Bài tập 2

– Một HS đọc thành tiếng yêu cầu của bài và gợi ý (a, b, c).

– Cả lớp đọc thầm lại bài thơ để *tìm những sự vật được nhân hoá*. (Trong bài thơ, có 6 sự vật được nhân hoá là : mặt trời, mây, trăng sao, đất, mưa, sấm.)

(Trong trường hợp có HS nói “chớp” cũng được nhân hoá, GV cần giải thích : “loè” không phải là từ chỉ hành động của người ; “soi sáng” cũng không phải là từ chỉ hành động dùng riêng cho người. VD : Mặt trời *soi sáng* trái đất. / Ánh đuốc *soi sáng* trong đêm.)

– HS đọc thầm lại gợi ý (a, b, c), trả lời ý 2 của câu hỏi (*Các sự vật được nhân hoá bằng những cách nào ?*).

– GV dán lên bảng lớp 3 tờ phiếu khổ to đã kẻ sẵn bảng trả lời (hoặc phiếu khổ nhỏ đủ phát cho từng HS). HS trao đổi, làm bài theo cặp hoặc theo nhóm nhỏ (trên phiếu, trên VBT hoặc giấy nháp).

– GV mời 3 nhóm HS lên bảng thi tiếp sức. Mỗi nhóm gồm 6 em tiếp nối nhau điền vào bảng câu trả lời cho các câu hỏi a, b, c. HS thứ 6 của mỗi nhóm trình bày toàn bộ bảng kết quả.

– Cả lớp và GV nhận xét, chốt lại lời giải đúng, bình chọn nhóm làm bài tốt nhất.

Lời giải :

Tên các sự vật đ ọc nhân hoá	Cách nhân hoá		
	a) Các sự vật đ ọc gọi bằng	b) Các sự vật đ ọc tả bằng những từ ngữ	c) Tác giả nói với m a thân mật nh ể nào ?
Mặt trời	<i>ông</i>	<i>bật lửa</i>	
Mây	<i>chị</i>	<i>kéo đến</i>	
Trăng sao		<i>trón</i>	
Đất		<i>nóng lòng chờ đợi, há hê uống n ớc</i>	
M a		<i>xuống</i>	nói với m a thân mật nh ể với một ng ời bạn : <i>Xuống đi nào, m a ơi !</i>
Sấm	<i>ông</i>	<i>vỗ tay c ời</i>	

– Cả lớp làm bài vào vở (hoặc sửa bài trong VBT).

– GV chỉ bảng kết quả, hỏi : *Qua bài tập trên, các em thấy có mấy cách nhân hoá sự vật ?*

(Ba cách nhân hoá :

+ Gọi sự vật bằng từ dùng để gọi con người : *ông, chị*.

+ Tả sự vật bằng những từ dùng để tả người : *bật lửa, kéo đến, trốn, nóng lòng chờ đợi, hã hê uống nước, xuống, vỗ tay cười.*

+ Nói với sự thân mật như nói với con người (gọi mưa xuống thân ái như gọi một người bạn.)

c) *Bài tập 3*

– Một HS đọc yêu cầu của bài. Cả lớp đọc thầm lại.

– HS làm bài cá nhân : tìm bộ phận câu trả lời cho câu hỏi *Ở đâu ?* (hoặc gạch dưới bộ phận câu trả lời trong VBT).

– GV mở bảng phụ (đã viết 3 câu văn ở BT3), nhiều HS tiếp nối nhau phát biểu ý kiến. Sau đó, 1 HS lên bảng chốt lại lời giải đúng.

– Cả lớp làm bài vào vở (hoặc VBT) theo lời giải đúng :

Câu a : Trần Quốc Khái quê ở *huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây*^(*).

Câu b : Ông được học nghề thêu ở *Trung Quốc* trong một lần đi sứ.

Câu c : Để tưởng nhớ công lao của Trần Quốc Khái, nhân dân lập đền thờ ông ở *quê hương ông*.

(Với câu b, GV vẫn chấp nhận nếu có HS gạch dưới cả cụm từ *ở Trung Quốc trong một lần đi sứ*.)

d) *Bài tập 4*

– HS đọc yêu cầu của bài.

– Dựa vào bài *Ở lại với chiến khu* (SGK tr.13, 14), HS trả lời lần lượt từng câu hỏi.

– GV chấm bài làm của năm, bảy em. Sau đó, mời nhiều HS tiếp nối nhau trả lời lần lượt từng câu hỏi. GV chép nhanh lên bảng câu trả lời đúng.

– Cả lớp làm bài vào vở (hoặc VBT) :

Câu a : Câu chuyện kể trong bài diễn ra vào thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp, ở chiến khu. (GV có thể nói rõ thêm : chiến khu Bình – Trị – Thiên.)

Câu b : Trên chiến khu, các chiến sĩ liên lạc nhỏ tuổi sống ở trong lán.

Câu c : Vì lo cho các chiến sĩ nhỏ tuổi, trung đoàn trưởng khuyên họ trở về sống với gia đình.

3. Củng cố, dặn dò

– Một, hai HS nhắc lại 3 cách nhân hoá. GV nhắc HS ghi nhớ 3 cách nhân hoá vừa học để làm tốt các bài tập về nhân hoá trong các tiết học sau, cũng như biết vận dụng phép nhân hoá để tạo được những hình ảnh đẹp, sinh động khi thực hành làm bài văn.

– GV nhận xét tiết học.

(*) Từ ngày 1-8-2008, theo Nghị quyết của Quốc hội, hợp nhất tỉnh Hà Tây vào thành phố Hà Nội.